

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ - PT

Ngày: 17/11/2017

V/v: Chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

**NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lương Văn Can

Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh – Thư ký TAND tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Bà Hà Thị Ngọc Bích -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2017/TLPT- HNGĐ ngày 05/10/2017 về việc chia tài sản khi ly hôn. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/HNGĐ- ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 30/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B; Địa chỉ: Xóm Mỏ, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H ; Địa chỉ: Xóm Mỏ, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 30/12/1995 chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn. Quá trình chung sống do có nhiều mâu thuẫn, đến tháng 12/2012 anh, chị sống ly thân. Anh, chị có một con chung là Nguyễn Văn Huân, sinh ngày 01/01/1997.

Công nợ chung: Không có.

Tài sản chung: Gồm 01 thửa đất thổ cư có diện tích 1440m² và 06 thửa đất nông nghiệp đều mang tên hộ ông Nguyễn Văn H; 01 ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất ở; 02 xe mô tô; một số đồ dùng trong gia đình.

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04 ngày 16/01/2015 của TAND huyện Kỳ Sơn đã quyết định: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị B; Phân tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 01/2017/QĐ - GĐT ngày 11/02/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy phần tài sản của quyết định số 04 ngày 16/01/2015 của TAND huyện Kỳ Sơn. Vì số đo đất thổ cư sai lệch với thực tế.

Tại bản án dân sự số 03/2017/DSST ngày 25/8/2017 của TAND huyện Kỳ Sơn đã xét xử. Áp dụng: Điều 29, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý xử dụng án phí, lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị Nguyễn Thị B.

* Chị Nguyễn Thị B được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

- Được quyền sử dụng diện tích đất 264m², tại thửa đất số 215, tờ bản đồ 44 (trong đó có 200m² đất thổ cư và 64m² đất vườn) có kích thước cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông xóm có cự ly là 32,43m, phía Nam giáp đất anh Nguyễn Văn H có cự ly là 24,84m, phía Đông giáp đất anh Nguyễn Văn H có cự ly là 14,96m; phía Tây giáp nương và đường bê tông xóm có cự ly là 08m. Diện tích đất trên đã có GCNQSD mang tên hộ ông Nguyễn Văn H, được UBND huyện Kỳ Sơn cấp ngày 26/9/2000 tại xóm Mỏ, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Được quyền sở hữu: 01 nhà xây gạch đỏ, mái bằng kiên cố, có diện tích 45m² và toàn bộ tài sản là cây cối hoa màu, phần tường bao, đường bê tông nằm trên diện tích đất 264m² (có sơ đồ thửa đất kèm theo)

- Được sở hữu: 01 tủ tường, 01 bộ bàn ghế sa lon, 01 giường ngủ và toàn bộ tài sản tại cửa hiệu làm tóc gồm: 02 máy sấy tóc; 02 gương to, 01 bình nóng lạnh, 01 máy hấp tóc; 01 giường gội, 02 ghế ngồi, 01 máy là tóc.

Được quyền canh tác sử dụng 3 thửa đất nông nghiệp đó là: Thửa số 406, tờ bản đồ 45, diện tích 550m² tại Đồng Sông (đất 2 lúa). Thửa số 97, tờ bản đồ 40, diện tích 131 m² tại Bãi Thau (đất 1 lúa). Thửa số 395, tờ bản đồ 45, diện tích 520m² tại Đồng Sông (đất 1 lúa). Các thửa đất trên hiện đã được UBND huyện Kỳ Sơn cấp Giấy chứng nhận QSDĐ năm 2000.

Anh Nguyễn Văn H được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

Được quyền sử dụng diện tích đất 1148,8m², tại thửa đất số 215, tờ bản đồ 44 (trong đó có 200m² đất thổ cư và 948,8m² đất vườn) có kích thước cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đất chị B và đường bê tông xóm có cự ly là 44,19m, phía Nam giáp ruộng lúa có cự ly là 29,38m, phía Đông giáp ruộng lúa có cự ly là 62,19 m; phía Tây giáp nương và đường bê tông xóm có cự ly là 47,06m. Diện tích đất trên đã có GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Văn H, được UBND huyện Kỳ Sơn cấp ngày 26/9/2000 tại xóm Mỏ, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Được

quyền sử hữu: 01 nhà bếp lợp proximang có diện tích 25,85m²; 01 chuồng lợn lợp proximang diện tích 6,3m², 01 nhà tắm xây gạch bavanh, tường 110, diện tích 2,24m² và toàn bộ tài sản là cây cối hoa màu, phần tường bao, đường bê tông, cổng sắt nằm trên diện tích đất 1148,8m² (có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Được sở hữu: 01 ti vi Sony, 01 giường ngủ, 01 tủ lạnh, 01 bếp ga, 01 tủ bếp nhôm kính; 01 bình nước Tân á, 01 bình nóng lạnh.

Được quyền canh tác sử dụng 3 thửa đất nông nghiệp đó là: Thửa số 98, tờ bản đồ 40, diện tích 716m² tại Bãi Thau (đất 1 lúa). Thửa số 216, tờ bản đồ 44, diện tích 139 m² tại Đồng chiêm (đất mạ). Thửa số 505, tờ bản đồ 44, diện tích 200 m² tại Đồng Chiêm (đất 2 lúa). Các thửa đất trên hiện đã được UBND huyện Kỳ Sơn cấp GCNQSDĐ năm 2000.

2. Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền là 2.130.000đ

3. Công nợ chung: không có

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/9/2017 anh Nguyễn Văn H kháng cáo không đồng ý chia nhà và đất cho chị B.

Tại buổi làm việc ngày 23/10/2017 và biên bản đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 03/11/2017 của TAND tỉnh Hòa Bình chị B và anh H đã thỏa thuận về việc chia tài sản là nhà ở và chia thửa đất thổ cư số 215. Các tài sản khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình có ý kiến phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về án phí: Các đương sự đều có hoàn cảnh kinh tế khó

khẩn, có đơn xin giảm án phí, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm án phí cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị B đề nghị chia tài sản khi ly hôn. TAND huyện Kỳ Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, theo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS 2015.

Ngày 25/8/2017 Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 01/9/2017 anh Nguyễn Văn H kháng cáo. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được chấp nhận.

Về nội dung:

Tại buổi làm việc ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình và biên bản đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 03/11/2017, chị B, anh H đã thỏa thuận với nhau về việc chia nhà và đất thổ cư. Cụ thể:

Anh H sử dụng phần đất thổ cư có chiều dài mặt đường đi ra quốc lộ 6, từ điểm mốc số 1 theo biên bản trích đo ngày 09/11/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình là 22m82, chiều sâu kéo xuống phía bờ ao 24m50, chạy dọc bờ ao kéo đến tường bao 17,77m, dọc theo tường bao 11,19m. Tổng diện tích là 971,6m² (gồm 150m² đất thổ cư; 821,6 m² đất trồng cây lâu năm) và tất cả cây cối trên đất. Được sở hữu 01 nhà xây gạch đỏ, mái bằng kiên cố có diện tích 45m²

Chị B sử dụng diện tích đất còn lại. (250m² đất thổ cư, 191,2 m² đất trồng cây lâu năm) và cây cối trên đất.

Các tài sản khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Căn cứ theo biên bản làm việc ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa bình; biên bản đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 03/11/2017; biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2017 và biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 26/5/2017 thì tổng số tài sản chị B được nhận là: 441.2 m² đất, tại thửa đất số 215,

tờ bản đồ 44 đất gồm 250m^2 đất thổ cư trị giá $\times 1.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 250.000.000\text{đ}$.

$191,2\text{ m}^2$ đất trồng cây lâu năm $\times 60.000\text{đ}/\text{m}^2 = 11.472.000\text{đ}$

- Thừa đất nông nghiệp số 406, diện tích $550\text{m}^2 \times 65.000\text{đ}/\text{m}^2 = 35.750.000\text{đ}$; Thừa đất nông nghiệp số 97, diện tích $131\text{m}^2 \times 55.000\text{đ}/\text{m}^2 = 7.205.000\text{đ}$; Thừa đất nông nghiệp số 395, diện tích $220\text{ m}^2 \times 55.000\text{đ}/\text{m}^2 = 12.100.000\text{đ}$

- 01 cây mít trị giá = $1.500.000\text{đ}$; 01 cây sung trị giá = 196.000đ ; 02 cây cau trị giá = $2 \times 100.000\text{đ}/\text{cây} = 200.000\text{đ}$; 01 cây xoan trị giá = 200.000đ ; 01 cây nhãn trị giá = $1.350.000\text{đ}$; 01 cây Hồng bì trị giá = $7.850.000\text{đ}$; 01 cây Vải trị giá = $1.710.000\text{đ}$.; 01 đường bê tông dầy 10cm , rộng 2,5m, dài 12.9 m trị giá $3.248.300\text{đ}$

- Trụ cổng, cổng sắt trị giá: $4.857.000\text{đ}$; Tường bao $10.2\text{m}^3 \times 1.000.000\text{đ}/\text{m}^3 = 10.200.000\text{đ}$; 01 tủ t-ờng = $1.500.000\text{đ}$; 01 bộ bàn ghế sa lông = $1.700.000\text{đ}$; 01 gi-ờng ngủ = $1.000.000\text{đ}$; 02 máy sấy tóc $\times 100.000\text{đ}/\text{chiếc} = 200.000\text{đ}$; 02 g-ong to $\times 400.000\text{đ}/\text{cái} = 800.000\text{đ}$; 01 bình nóng lạnh $\times 800.000\text{đ} = 800.000\text{đ}$; 01 máy hấp tóc = 200.000đ ; 01 gi-ờng gội = $1.000.000\text{đ}$; 02 ghế ngồi $\times 200.000\text{đ}/\text{cái} = 400.000\text{đ}$; 01 máy là tóc = 500.000đ

Tổng cộng : $355.938.300\text{đ}$

Tổng tài sản anh Huy nhận được là: $971,6\text{ m}^2$, thừa đất số 215, tờ bản đồ 44. Gồm 150m^2 đất thổ cư $\times 1.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 150.000.000\text{đ}$. và $821,6\text{ m}^2$ đất trồng cây lâu năm $\times 60.000\text{đ}/\text{m}^2 = 49.296.000\text{đ}$.

- Thừa đất nông nghiệp số 98, tờ bản đồ 40, diện tích $716\text{m}^2 \times 55.000\text{đ}/\text{m}^2 = 39.380.000\text{đ}$; Thừa đất nông nghiệp số 216, tờ bản đồ 44, diện tích $139\text{ m}^2 \times 55.000\text{đ}/\text{m}^2 = 7.640.000\text{đ}$; Thừa số 505, tờ bản đồ 44, diện tích $200\text{ m}^2 \times 55.000\text{đ}/\text{m}^2 = 11.000.000\text{đ}$

- 01 nhà xây gạch đỏ, mái bằng diện tích $45\text{m}^2 \times 3.473.000\text{đ}/\text{m}^2 = 156.292.650\text{đ}$; 01 nhà bếp lợp proximang có diện tích $25,85\text{m}^2 \times 2.459.000\text{đ}/\text{m}^2 =$

63.565.000đ; 01 chuồng lợn lợn proximang diện tích 6,3m² trị giá 3.000.000đ; 01 nhà tắm xây gạch bavanh, tường 110, diện tích 2,24m² trị giá 2.000.000đ

- 01 đường bê tông dày 10cm , rộng 2,5m, dài 4,3 m trị giá 1.081.500đ;
Tường bao 20.4 m³ x 1.000.000đ/ m³ = 20.400.000đ

- 01 ti vi Sony trị giá 300.000đ; 01 giường ngủ trị giá 1.000.000đ; 01 tủ lạnh trị giá 1.000.000đ; 01 bếp ga trị giá 1.000.000đ; 01 tủ bếp nhôm kính trị giá 1.600.000; 01 bình nước Tân Á trị giá 2.000.000đ; 01 bình nóng lạnh trị giá 1.500.000đ

- Số cây trên phần diện tích đất được chia trị giá 55.329.700đ

Tổng cộng : 567.384.850đ.

Sự thỏa thuận của chị B, anh H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Về án phí: Trước khi xét xử phúc thẩm các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản. Do đó theo quy định tại điều 147,148 BLTTDS; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 sẽ phải chịu 50% mức án phí dân sự có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản được hưởng. Chị B và anh Huy đều là lao động tự do ở nông thôn, thu nhập thấp, không ổn định. Anh H hiện nay sức khỏe yếu. Cả chị B và anh H đều có đơn xin miễn giảm án phí vì điều kiện kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn; Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần án phí cho chị B và anh Huy.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Điều 29, Điều 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 6 Điều 15, khoản 7 điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, sửa bản án sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về chia tài sản. Cụ thể:

* Chị Nguyễn Thị B đ- ợc quyền sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

- Đ- ợc quyền sử dụng diện tích đất 441.2 m², tại thửa đất số 215, tờ bản đồ 44 (trong đó có 250m² đất thổ c- và 191,2m² đất v- òn), có kích th- ớc cụ thể nh- sau: Phía Bắc giáp đ- ờng bê tông xóm có cự ly là 14.01m; phía Nam giáp đất anh Nguyễn Văn H có cự ly là 17.77m; phía Đông giáp đất anh Nguyễn Văn H có cự ly là 22.09 m; phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn H có cự ly là 26.32m. Diện tích đất trên đã có Giấy chứng nhận QSD đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H, đ- ợc UBND huyện Kỳ Sơn cấp ngày 26/9/2000, tại xóm Mỏ, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đ- ợc quyền sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp đó là: Thửa số 406, tờ bản đồ số 45, diện tích 550m² tại Đồng Sống (đất 2 lúa); Thửa số 97, tờ bản đồ số 40, diện tích 131m² tại Bãi Thau (đất 1 lúa); Thửa số 395, tờ bản đồ số 45, diện tích 220m² tại Đồng Sống (đất 1 lúa). Các thửa đất trên hiện đã đ- ợc UBND huyện Kỳ Sơn cấp Giấy chứng nhận QSD đất năm 2000.

- Đ- ợc quyền sở hữu: 01 cây mít; 01 cây sung, 02 cây cau , 01 cây xoan , 01 cây nhãn, 01 cây Hồng bì , 01 cây Vải , 01 đường bê tông; Trụ cổng, cổng sắt, Tường bao.

- Đ- ợc sở hữu: 01 tủ t- ờng, 01 bộ bàn ghế sa lông, 01 gi- ờng ngủ và toàn bộ tài sản tại cửa hiệu làm tóc, bao gồm: 02 máy sấy tóc, 02 g- ơng to, 01 bình nóng lạnh, 01 máy hấp tóc, 01 gi- ờng gội, 02 ghế ngồi, 01 máy là tóc.

Tổng giá trị tài sản chị B đ- ợc hưởng là 255.938.300đ

* Anh Nguyễn Văn H đ- ợc quyền sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

- Đ- ợc quyền sử dụng diện tích đất 971,6 m², thửa đất số 215, tờ bản đồ 44 (trong đó có 150 m² đất thổ c- và 821,6 m² đất trồng cây lâu năm), có kích th- ớc

cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông xóm có cự ly là 22.82m; phía Nam giáp ruộng lúa có cự ly là 29,38m; phía Đông giáp đất chị Nguyễn Thị B; phía Tây giáp m-ong và đường bê tông xóm. Diện tích đất trên đã có Giấy chứng nhận QSD đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H, được UBND huyện Kỳ Sơn cấp ngày 26/9/2000, tại xóm Mỏ, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Được quyền sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp: Thửa số 98, tờ bản đồ số 40, diện tích 716m² tại Bãi Thau (đất 1 lúa); Thửa số 216, tờ bản đồ số 44, diện tích 139m² tại Đồng Chiêm (đất mạ); Thửa số 505, tờ bản đồ số 44, diện tích 200m² tại Đồng Chiêm (đất 2 lúa). Các thửa đất trên hiện đã được UBND huyện Kỳ Sơn cấp Giấy chứng nhận QSD đất năm 2000.

- Được quyền sở hữu: 01 nhà xây gạch đỏ, mái bằng diện tích 45m², 01 nhà bếp lợp Proximang, có diện tích 25,85m²; 01 chuồng lợn lợp Proximang, diện tích 6,3m²; 01 nhà tắm xây gạch Bavanh, t-ờng 110, diện tích 2,24m² và toàn bộ tài sản là cây cối hoa màu, phần t-ờng bao, đường bê tông nằm trên diện tích đất anh Huy được hưởng.

- Được sở hữu: 01 tivi SONY; 01 gi-ờng ngủ; 01 tủ lạnh; 01 bếp ga; 01 tủ bếp nhôm kính; 01 bình n-ớc Tân □; 01 bình nóng lạnh.

Tổng giá trị tài sản anh H được hưởng là 567.384.850đ

(Có trích lục bản đồ địa chính số 314539 -7-b, tờ số 44 ngày 09/11/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình kèm theo)

2- Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 2.130.000 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) chi phí định giá.

3- Về công nợ chung: Không có.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H phải nộp 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ 300.000đ tiền dự phí kháng cáo

đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn theo biên lai số 0003957 ngày 08/9/2017. Anh H còn phải nộp 9.700.000đ tiền án phí.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành không nộp đủ số tiền đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án tương ứng số tiền chậm trả.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TA ND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hoà bình
- TAND huyện Kỳ Sơn
- THA huyện Kỳ Sơn
- Các Đương sự
- Lưu

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Bạch Thị Hồng Hoa